

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC LINH
TỈNH BÌNH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 13/2024/DS-ST

Ngày: 01-3-2024

V/v: “Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản, tranh chấp về thực
hiện nghĩa vụ trả tiền”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH, TỈNH BÌNH THUẬN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Mai Thuận.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Thiện và bà Nguyễn Thị Bình.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Bùi Chí Bảo – Thư ký Toà án nhân dân Huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân Huyện Đức Linh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 258/2023/TLST-DS ngày 18 tháng 10 năm 2023, về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, tranh chấp về thực hiện nghĩa vụ trả tiền” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2024/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 01 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên toà số 30/2024/QĐST-DS ngày 02 tháng 02 năm 2024 của Toà án nhân dân Huyện Đức Linh, giữa các bên đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Huỳnh Thị Kim N, sinh năm 1974;

Nơi cư trú: Tổ 2, khu phố 1, thị trấn Vx, Huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

- *Bị đơn:* Bà Phạm Thị T, sinh năm 1983;

Nơi cư trú: Số 60, đường Trần Thủ Độ, tổ 1, khu phố 2, thị trấn Vx, Huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

- *Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Ông Nguyễn Đức Trung H, sinh năm 1979;

Nơi cư trú: Số 60, đường Trần Thủ Độ, tổ 1, khu phố 2, thị trấn Vx, Huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

2/ Ông Nguyễn Tiến Q, sinh năm 1968;

Nơi cư trú: Tổ 2, khu phố 1, thị trấn Vx, Huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.
(Bà Huỳnh Thị Kim N là người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Tiến Q)

Tại phiên tòa, có mặt nguyên đơn và đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Tiến Q, vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Đức Trung H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày:

Về nợ vay: Ngày 10/7/2022 âm lịch, bà T có mượn của bà N số tiền 104.900.000 đồng, lãi suất, thời gian trả nợ thỏa thuận miệng.

Về nợ tiền hụi: Tháng 2/2022 âm lịch, bà T có tham gia dây hụi 3.000.000 đồng do bà N làm chủ, dây hụi này bà T đã hót, còn nợ lại 9 tháng, mỗi tháng bà T phải đóng cho bà N số tiền 3.000.000 đồng, bắt đầu từ 20/7/2022 đến 20/3/2023. Tuy nhiên trong thời gian qua bà T không đóng, nên còn nợ lại bà N số tiền 27.000.000 đồng.

Mục đích bà T vay tiền của bà N và tham gia giao dịch hụi với bà N là để buôn bán trái cây. Bà N đã nhiều lần đòi nợ nhưng bà T lúc đầu thì hẹn, về sau trốn tránh không trả.

Bà N yêu cầu bà T và ông H liên đới trả cho bà N và ông Q số tiền nợ vay và nợ hụi là 131.900.000 đồng. Không yêu cầu tính lãi.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn trình bày: Bà Phạm Thị T đã nhận được thông báo thụ lý vụ án, các thông báo phiên họp của Tòa án nhưng vì bà T làm công nhân không nghĩ được nên không thể đến tham gia được các phiên hòa giải; bà T thừa nhận chữ ký trong giấy nợ lập vào ngày 10/7/2022 âm lịch và giấy nợ hụi của bà N là chữ ký của bà T. Bà T đồng ý cùng ông Nguyễn Đức Trung H trả cho vợ chồng bà N, ông Q số tiền 131.900.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, Đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Tiến Q trình bày: Ông Q hoàn toàn thống nhất với nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Đức Trung H: Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn đã được Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo hòa giải, giấy triệu tập và Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho bị đơn, tuy nhiên người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Đức Trung H không cung cấp ý kiến, tài liệu chứng cứ để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Đức Trung H đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu bà Phạm Thị T và ông Nguyễn Đức Trung H phải trả cho vợ chồng nguyên đơn số tiền nợ vay và tiền nợ hụi là 131.900.000 đồng, không yêu cầu tính lãi trong thời gian vay, nhưng có yêu cầu tính lãi sau khi xét xử sơ thẩm theo quy định.

Đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Tiến Q hoàn toàn thống nhất với nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Đức Trung H vắng mặt không có lý do.

Phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Đức Linh tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký Tòa án và Hội đồng xét xử trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng được pháp luật quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn và đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Tiến Q đã thực hiện quyền, nghĩa vụ đúng quy định tại các Điều 70, 71, 73 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Đức Trung H chưa thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ các Điều 70, 72, 73 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Qua nghiên cứu xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các bên đương sự tại phiên tòa hôm nay, xét thấy việc nguyên đơn khởi kiện là hoàn toàn có cơ sở. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Phạm Thị T và ông Nguyễn Đức Trung H liên đới trả cho bà Huỳnh Thị Kim N và ông Nguyễn Tiến Q số tiền 131.900.000 đồng.

Về án phí: Buộc bị đơn và ông Nguyễn Đức Trung H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, trả lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

(có bài phát biểu kèm theo)

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn Phạm Thị T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Nguyễn Đức Trung H thanh toán tiền nợ vay và tiền hụi còn nợ; bị đơn có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại khu phố 2, thị trấn Vx, Huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 274, 280, 463 của Bộ luật dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản, tranh chấp thực hiện nghĩa vụ trả tiền trong giao dịch về hụi thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

[2] Về tố tụng: Tại phiên tòa, Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Đức Trung H đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Tòa án nhân dân Huyện Đức Linh xét xử vắng mặt bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Đức Trung H.

[3] Về chứng cứ: Tại phiên tòa, đương sự không nộp tài liệu, chứng cứ mới để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ tài liệu, chứng cứ mà đương sự đã giao nộp có trong hồ sơ vụ án và Tòa án đã thu thập được theo khoản 1 Điều 96 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vụ án.

[4] Về nội dung: Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và do các đương sự cung cấp tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định nội dung vụ án như sau:

[4.1] Về nợ vay và nợ hui: Căn cứ giấy mượn tiền đề ngày 10/7/2022 âm lịch, giấy ghi nợ hui không đề ngày và lời khai thừa nhận của bị đơn lập ngày 18/12/2023 tại Tòa án nhân dân Huyện Đức Linh, có căn cứ khẳng định nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán tiền nợ trong giao dịch về hui với số tiền 27.000.000 đồng và tiền nợ vay 104.900.000 đồng là có căn cứ.

Về xác định người có nghĩa vụ thanh toán: Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn cho rằng việc tham gia giao dịch về hui với nguyên đơn là để sử dụng vào mục đích cá nhân nhưng không chứng minh được đã sử dụng vào mục đích gì; đối với ông H, Tòa án đã phối hợp với chính quyền địa phương để trực tiếp ghi nhận ý kiến nhưng ông H không hợp tác, không cung cấp tài liệu chứng cứ để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình; tại phiên tòa nguyên đơn khẳng định số tiền nợ hui và nợ trong vụ án này là tài sản chung của vợ chồng nguyên đơn, đồng thời nguyên đơn cũng khẳng định chữ ký và chữ viết tên “Phạm Thị T” và “Nguyễn Đức Trung H” trong giấy mượn tiền lập ngày 10/7/2022 âm lịch và giấy nhận nợ hui chính là do bà T trực tiếp ký và viết tên; mặt khác, việc bà T tham gia giao dịch dân sự về hui với bà N cũng như mượn tiền được xác lập trong thời kỳ hôn nhân giữa bà T và ông H và chính bà T tự viết tên ông H vào giấy mượn tiền lập ngày 10/7/2022 âm lịch. Do đó, có căn cứ khẳng định việc bà T tham gia giao dịch hui với bà N và mượn tiền của bà N là để sử dụng phục vụ nhu cầu thiết yếu của gia đình; cho nên, nguyên đơn yêu cầu bà T và ông H liên đới thanh toán cho bà N và ông Q số tiền nợ vay 104.900.000 đồng và tiền nợ hui 27.000.000 đồng là hoàn toàn phù hợp quy định tại Điều 33 và 37 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[4.2] Ghi nhận ý kiến của nguyên đơn về việc không yêu cầu tính lãi đến thời điểm xét xử sơ thẩm. Nguyên đơn yêu cầu bên có nghĩa vụ tiếp tục chịu lãi suất đối với số tiền còn phải thi hành án đến khi thi hành án xong là phù hợp quy định tại Điều 357, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 13 của Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí DSST. Buộc bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Đức Trung H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 92; Điều 93; Điều 95; Điều 227, Điều 228, Điều 235, khoản 1 Điều 147; Điều 161, Điều 262; Điều 271 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 274, Điều 280, Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 471 của Bộ luật dân sự 2015; Điều 33, 37 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Điều 26 của Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Huỳnh Thị Kim N.

Buộc bà Phạm Thị T và ông Nguyễn Đức Trung H có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Huỳnh Thị Kim N và ông Nguyễn Tiến Q số tiền nợ vay là 104.900.000 (bằng chữ: một trăm lẻ bốn triệu, chín trăm nghìn) đồng và số tiền nợ hui là 27.000.000 (bằng chữ: hai mươi bảy triệu) đồng.

Kể từ ngày có đơn thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2/ Về án phí:

- Buộc bà Phạm Thị T và ông Nguyễn Đức Trung H phải nộp số tiền 6.595.000 (bằng chữ: sáu triệu, năm trăm chín mươi lăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm. Án phí nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự Huyện Đức Linh.

- Trả lại cho bà Huỳnh Thị Kim N số tiền 3.230.000 (bằng chữ: ba triệu, hai trăm ba mươi nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự Huyện Đức Linh theo các biên lai thu tiền số: 0017628 ngày 18 tháng 10 năm 2023.

3/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết, để Tòa án cấp trên xét xử theo trình tự phúc thẩm.

4/ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Huyện Đức Linh;
- Chi cục THADS Huyện Đức Linh;
- Lưu hồ sơ vụ án, tập án văn;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Mai Thuận